

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DS-PT

Ngày 28 - 4 - 2023

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thuý

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Lệ T, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 (Có mặt)

Đăng ký thường trú: Ấp Vĩnh M, xã Vĩnh Th, huyện H, tỉnh B.

Nơi cư trú: Ấp V, xã Vĩnh H, huyện H, tỉnh B.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Lệ T trình bày: Ngày 20/11/2018, bà có cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 80.700.000 đồng; có làm hợp đồng vay và bà Đ ký tên, lãi thỏa thuận 3%/tháng, bà Đ chưa đóng tiền lãi, con của bà Đ tên Lương Quốc C có trả cho bà 15.000.000 đồng ngày

26/9/2020 âm lịch, ngày 26/02/2021 âm lịch trả thêm 15.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 30.000.000 đồng, số tiền bà Đ còn nợ 50.700.000 đồng. Bà khởi kiện yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ vay là 50.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày tại các lời khai: Bà thừa nhận có vay tiền của bà T nhiều lần, không nhớ rõ mỗi lần vay bao nhiêu nhưng tổng cộng số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 6%/tháng, bà đã đóng lãi đầy đủ với số tiền 39.500.000 đồng cho bà T, khi trả lãi không làm biên nhận. Số tiền gốc vay thì con của bà tên Lương Quốc C đã trả thay cho bà, con bà trả làm 02 lần như bà T khai, như vậy bà không còn nợ tiền bà T. Bà không thừa nhận có nợ bà T số tiền 80.500.000 đồng như bà T khai nên bà không đồng ý trả cho bà T số tiền 50.700.000 đồng như bà T yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lệ T đối với bà Nguyễn Thị Đ đòi số tiền 50.700.000 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Lệ T số tiền vay là 50.700.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 3 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đòi bà trả số tiền 50.700.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến

phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện nguyên đơn Trần Lệ T buộc bà trả số tiền nợ 50.700.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Trần Lệ T và bà Nguyễn Thị Đ đều xác định hai bên có thỏa thuận giao dịch vay tiền. Bà T cho bà Đ vay tiền nhiều lần và bà Đ còn nợ lại bà T số tiền 50.700.000 đồng. Theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/8/2018 do bà Đ ký nhận thì số tiền nợ vay là 80.700.000 đồng, con của bà Đ tên C đã trả thay cho bà Đ 30.000.000 đồng và bà Đ còn nợ lại 50.700.000 đồng nên bà T yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ 50.700.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận có vay của bà T, vay nhiều nhưng chỉ vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà đã đóng lãi đầy đủ với số tiền 39.500.000 đồng nhưng khi trả lãi không làm biên nhận, bà không thừa nhận có ký hợp đồng vay số tiền 80.700.000 đồng với bà T. Bà Đ xác định con của bà tên Lương Quốc Cường đã trả tiền nợ thay cho bà nên không còn nợ bà T, do đó không đồng ý trả 50.700.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

[4] Bà Trần Lệ T yêu cầu giám định chữ ký bà Đ tại Hợp đồng vay tiền đề ngày 11/8/2018. Tại kết luận giám định chữ ký số 63/KL-KTHS ngày 19/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bạc Liêu xác định chữ ký “Đẹp” trên tài liệu cần giám so với chữ ký “Đẹp” trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra. Từ đó, có căn cứ xác định bà Đ có vay tiền bà T số tiền 80.700.000 đồng, đã trả 30.000.000 đồng, còn nợ lại 50.700.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà Đ là có căn cứ. Mặt khác, bà Đ không thừa nhận có nợ tiền bà T số tiền 80.700.000 đồng, chỉ thừa nhận nợ tiền bà T 30.000.000 đồng và đã trả hết số tiền nợ, đồng thời bà đã trả cho bà T số tiền lãi 39.500.000 đồng nhưng bà Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà Đ.

[5] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ; chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lệ T đối với bà Nguyễn Thị Đ về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Lệ T số tiền 50.700.000 đồng (năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Lệ T số tiền đã chi phí giám định là 6.082.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.535.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình. Bà Trần Lệ T không phải chịu án phí, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.267.000 đồng theo biên lai thu số 0002891 ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng; bà Đ đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011412 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hòa Bình;
- CCTHADS huyện Hòa Bình;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Giang Thị Cẩm Thúy